

Bản án số: 35/2022/HSST

Ngày 21/7/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG – TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Thu Giang

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Quốc Doanh

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoan

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Chung – Phó viện trưởng, Kiểm sát viên; bà Phạm Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/7/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, Tòa án nhân dân huyện Văn Giang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án hình sự thụ lý số 22/2022/HSST ngày 17/5/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HS ngày 11/7/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: NGUYỄN THANH Q; tên gọi khác: Không; sinh năm 1989

HKTT: Thôn ĐH, xã ĐH, huyện SS, thành phố HN.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Tự do.

Họ tên bố: Nguyễn Văn V; sinh năm 1969.

Họ tên mẹ: Đặng Thị H; sinh năm 1969.

Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Vợ: Vũ Thị T, sinh năm 1989 (đã ly hôn).

Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 04/02/2010, bị Tòa án nhân dân huyện SS, thành phố HN xử phạt 2 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong bản án ngày 08/12/2011 và đã được xóa án tích.

- Ngày 17/10/2013, bị Tòa án nhân dân huyện SS, thành phố HN xử phạt 2 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong bản án ngày 06/11/2015 và đã được xóa án tích.

Q bị tạm giữ từ ngày 02/12/2021 đến ngày 08/12/2021 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên theo lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Chị Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn H, xã CC, huyện VG, tỉnh HY

Người được bị hại ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa:

Anh Đào Văn D1, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn H, xã CC, huyện VG, tỉnh HY

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đặng Đức D2, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn ĐH, xã ĐH, huyện SS, thành phố HN.

2. Nguyễn Đăng C, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn TD, xã KK, huyện GL, thành phố HN

3. Bà Lê Thị N, sinh năm: 1955

Địa chỉ: Thôn TD, xã KK, huyện GL, thành phố HN

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn BH, xã XG, huyện SS, thành phố HN

5. Lê Thị P, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Khối 12, xã PL, huyện SS, thành phố HN

6. Nguyễn Quang L, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Phường BG, thành phố VT, tỉnh PT

7. Bà Phan Thị V, sinh năm: 1956

Địa chỉ: Đội 8 thôn MB, phường MN, thành phố VT, tỉnh PT.

Người làm chứng:

1. Bà Bùi Thị L1, sinh năm: 1957

Địa chỉ: Khu LQĐ, phường GC, thành phố VT, tỉnh PT.

2. Cháu Nguyễn Mai T1, sinh năm: 2010

3. Cháu Hoàng Huệ C1, sinh năm: 2010

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã CC, huyện VG, tỉnh HY.

4. Anh Lê Văn H, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Thôn N, xã CC, huyện VG, tỉnh HY.

5. Ông Đào Văn D3, sinh năm: 1955

Địa chỉ: Thôn H, xã CC, huyện VG, tỉnh HY.

6. Bà Đặng Thị H, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Thôn ĐH, xã ĐH, huyện SS, thành phố HN.

7. Đặng Anh D4, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn ĐH, xã ĐH, huyện SS, thành phố HN.

8. Vũ Xuân S, sinh năm 1988

Địa chỉ: Đội 8 thôn MB, phường MN, thành phố VT, tỉnh PT.

** Tại phiên tòa, có mặt: người được bị hại ủy quyền anh D1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh D2, chị T, người làm chứng anh D4; vắng mặt: người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh C, bà N, chị P, bà V, anh L; những người làm chứng: bà L1, cháu T1, cháu C1, anh H, ông D3, bà H1, anh S.*

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Thanh Q bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1989, đăng ký HKTT: Thôn ĐH, xã ĐH, huyện SS, thành phố HN đang ở tại khu nhà trọ của bà Lê Thị N, sinh năm 1955 ở thôn TD, xã KK, huyện GL, thành phố HN. Do không có việc làm, không có tiền tiêu sài cá nhân nên khoảng 07 giờ 00 ngày 22/11/2021, Q lấy 01 thanh sắt phi 20, dài khoảng 40cm có một đầu dẹt và 01 chiếc kìm cộng lực loại nhỏ, tay cầm màu xanh (do Q mua sẵn từ trước) cho vào trong chiếc ba lô màu đen, rồi đi bộ từ nhà trọ đến khu vực xã CC để trộm cắp tài sản. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, Q đi đến phía sau nhà chị Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1985, HKTT: Thôn H, xã CC, dùng thanh sắt mang theo cậy một góc tấm tôn bịt cửa sổ nhìn vào bên trong thấy không có ai ở nhà nên dùng kìm cắt tại khóa cửa xếp đi vào trong nhà. Q đi lên tầng 2 vào phòng phía bên trái (là phòng ngủ của con chị D) lấy được ở trên bàn học 01 chiếc Laptop Latitude 3400, 16 inch, nhãn hiệu Dell, màu đen; 01 chiếc Laptop-Latitude 3410, 14inch, nhãn hiệu Dell, màu ghi-đen cùng 02 sạc nguồn Laptop và 01 chuột máy tính không dây. Q cho tất cả tài sản trên vào ba lô rồi đi sang phòng đối diện (là phòng ngủ của vợ chồng chị D). Q thấy có 01 tủ kim loại gắn sát tường nên đã lấy 02 chiếc tuốc nơ vít trong hộp dụng cụ màu đen, quai nắm màu đỏ ở nhà tắm cậy phá và mở được cửa tủ. Q thấy bên trong có 01 chiếc két sắt nên lấy 01 chiếc máy khoan màu đen-xám trong hộp dụng cụ trên khoan một lỗ phía dưới ổ khoá két nhưng không mở được. Q tiếp tục lấy trong hộp dụng cụ 01 chiếc búa bằng kim loại dài 23,5cm cậy phá phần thanh ngang

giữa hai ngăn tủ rồi kéo kết sắt ra giữa phòng, dùng thanh sắt mang theo, búa, 02 tuốc-nơ-vít trên cây phá cánh cửa, mở được kết sắt và lấy được: 01 phong bì đựng 56.000.000 đồng; 01 miếng kim loại vàng hình tròn một mặt có hình con gà, mặt còn lại có các chữ, số “ LỘC PHÚ QUÝ 999,9”; 01 chiếc nhẫn kim loại vàng được chế tác dạng tròn trơn, mặt trong của nhẫn có các chữ, số “VANG RONG THANG LONG 2 CHI 999,9; 04 chiếc nhẫn kim loại vàng; 02 chiếc dây chuyền kim loại vàng; 01 đôi bông tai kim loại vàng; 01 đôi nhẫn cưới vàng tây; 02 quyển sổ tiết kiệm cùng với các hoá đơn mua bán vàng. Q cho tất cả số tài sản trên vào ba lô rồi đi ra theo đường cũ rồi về nhà trọ ở xã KK, huyện GL, thành phố HN. Q cho quần áo, đôi giày, thanh sắt và kim vừa dùng để đi trộm cắp tài sản vào 01 chiếc túi nilon màu đen rồi dọn đồ, đi taxi (*không xác định được hãng taxi và biển số xe*) về nhà ở thôn ĐH, xã ĐH, huyện SS, thành phố HN. Khi đi qua cầu Đông Trù thuộc xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Q đã vớt túi nilon đen trên xuống sông Hồng. Sau khi về nhà, Q bỏ tất cả tài sản trộm cắp được ra kiểm tra rồi cho tiền mặt cùng vàng, trang sức vào túi nilon mang theo người, còn ba lô đựng 02 chiếc Laptop, 02 bộ sạc và 01 chuột không dây dẫu trên nóc nhà tắm; 02 sổ tiết kiệm và các hóa đơn giấy tờ mua vàng đốt tiêu hủy. Q đi đến nhà anh Đặng Đức D2, sinh năm 1985 ở cùng thôn chơi điện tử, rồi lấy 4.000.000 đồng trong chỗ tiền mặt trộm cắp được đưa cho anh D2 nhờ chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho anh Nguyễn Đăng C, sinh năm 1988 là bạn gần chỗ trọ ở xã KK, huyện GL, thành phố HN để trả tiền thuê nhà trọ cho bà N. Anh C đã đưa bà N 2.500.000 đồng, còn 1.500.000 đồng Q bảo anh C cứ giữ lấy dùng. Đến khoảng 10 giờ sáng ngày 23/11/2021, Q gặp bạn là Đặng Anh D4, sinh năm 1993 ở cùng thôn nên rủ D4 đi chơi. Khi đi qua cửa hàng vàng bạc HT, địa chỉ ở thôn BH, xã XG, huyện SS, Q đưa cho D4 01 miếng kim loại vàng hình tròn một mặt có hình con gà, mặt còn lại có các chữ, số “LỘC PHÚ QUÝ 999,9”; 01 chiếc nhẫn kim loại vàng được chế tác dạng tròn trơn, mặt trong của nhẫn có các chữ, số “VANG RONG THANG LONG 2 CHI 999,9, bảo là tài sản của vợ chồng cần tiền mua xe máy nhờ D4 bán hộ. D4 vào cửa hàng, bán cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976, HKTT: xã XG, huyện SS được 15.420.000 đồng và đưa tiền cho Q. Quang và D4 tiếp tục đi lên thị xã PL, huyện SS chơi điện tử, khi đi đến cửa hàng vàng bạc MC, tại số 25B, đường 2, phố chợ, xã PL, huyện SS, Q lại đưa tiếp cho D4 04 chiếc nhẫn kim loại vàng; 02 chiếc dây chuyền kim loại vàng; 01 đôi bông hoa tai, loại dây, kim loại vàng; 01 đôi nhẫn cưới vàng tây, bảo là tài sản của vợ chồng tích góp nhờ bán để lấy vốn làm ăn. D4 cầm số vàng trên đi vào cửa hàng vàng – bạc MC bán cho chị Lê Thị P là chủ cửa hàng được 60.160.000 đồng, còn đôi nhẫn cưới bằng vàng tây không bán được nên đưa lại cho Q cùng toàn bộ số tiền bán được. Q đã nạp tiền để chơi điện tử và tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 26/11/2021, Q thuê taxi của anh D2 đi đến nhà bạn là Vũ Xuân S, sinh năm 1988, HKTT: Đội 8, thôn MB, phường MN, thành phố VT, tỉnh PT chơi. Q nhờ S đi bán hộ đôi nhẫn cưới ở cửa hàng mua bán vàng bạc NT, địa chỉ tại số 1809, đại lộ HV, phường GC, thành phố VT được 2.000.000 đồng rồi đưa cho bà Phan Thị V là mẹ của S 1.500.000 đồng để mua đồ ăn uống, còn lại 500.000 đồng Q đã tiêu sài cá nhân hết.

Đến 13 giờ 45 phút ngày 22/11/2022, chị D đi về nhà phát hiện bị mất trộm tài sản nên trình báo Công an huyện Văn Giang. Cùng ngày, CQCSĐT Công an huyện Văn Giang khám nghiệm hiện trường phát hiện các dấu vết cậy phá cửa, tủ, kết sắt bị cong vênh, biến dạng cánh cửa để lộ phần bê tông bên trong, 03 chốt khoá bị gãy không còn khả năng khoá. Thu giữ: 01 hộp đựng cụ bên trong có kim, cờ lê, các đầu mũi khoan, hộp đựng ốc vít, 01 máy khoan, 01 chiếc búa, 02 chiếc tuốc-nơ-vít nói trên; 01 chiếc ổ khoá màu xám-vàng, 01 đoạn tai khoá cửa.

CQCSĐT Công an huyện Văn Giang đã thu giữ được dữ liệu camera nhà bà Đinh Thị C ở thôn H, xã CC có hình ảnh Q đeo ba lô đi từ nhà chị D ra.

Ngày 02/12/2021, CQCSĐT Công an huyện Văn Giang khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thanh Q tại thôn ĐH, xã ĐH, huyện SS, thành phố HN, thu tại nóc nhà tầng 2: 01 chiếc ba lô màu đen bên trong có 01 chiếc Laptop-Latitude 3400, 16 inch, nhãn hiệu Dell, màu đen; 01 chiếc Laptop-Latitude 3410, 14inch, nhãn hiệu Dell, màu ghi-đen; 02 sạc nguồn Laptop và 01 chuột máy tính không dây. Cùng ngày, CQCSĐT ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Thanh Q và thu giữ 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Thanh Q.

Quá trình điều tra, Chị Nguyễn Thị T là chủ cửa hàng vàng bạc HT không biết số vàng đã mua được của Q là tài sản do phạm tội mà có nên đã tự nguyện giao nộp lại cho CQCSĐT: 01 miếng kim loại vàng và 01 chiếc nhẫn kim loại vàng mua của Quang. CQCSĐT Công an huyện Văn Giang đã trưng cầu giám định và yêu cầu định giá đối với số vàng này.

Bản kết luận định giá tài sản số 65/BKL-ĐGTS ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Văn Giang kết luận: 01 chiếc máy tính laptop nhãn hiệu Dell I5, màu đen, loại 16inch; kèm dây sạc và 01 chuột máy tính không dây (mua từ đầu năm 2020, đã qua sử dụng): 12.800.000đ; 01 chiếc máy tính laptop nhãn hiệu Dell – Latitude 3410, I35, màu ghi đen loại 14 inch (mua từ tháng 9 năm 2021 đã qua sử dụng): 14.500.000đ.

Tại Kết luận giám định số 9039/C09-P4 ngày 22/12/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an và Kết luận định giá tài sản số 05 ngày 28/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Văn Giang kết luận như sau: 01 miếng kim loại hình tròn một mặt có hình con gà, mặt còn lại có các chữ, số “Lộc PHÚ QUÝ 999,9” có khối lượng 3,75 gam (*không tính vĩ nhựa*) là vàng (Au), hàm lượng Au: 99,78%, ngoài ra còn có bạc (Ag); hàm lượng Ag: 0,22%, trị giá: 5.310.000 đồng; 01 chiếc nhẫn được chế tác dạng tròn trơn, mặt trong của nhẫn có các chữ, số “VANG RONG THANG LONG 2 CHI 999,9” có khối lượng 7,50 gam (*Không tính vĩ nhựa*) là vàng (Au), hàm lượng Au: 99,83%, ngoài ra còn có bạc (Ag); hàm lượng Ag: 0,17%, trị giá: 10.680.000 đồng.

Số vàng, trang sức còn lại không thu giữ được CQCSĐT Công an huyện Văn Giang đã yêu cầu định giá nhưng Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Văn Giang kết luận không đủ cơ sở để định giá do không thu hồi được tài sản và không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc.

Số tiền 1.500.000 đồng Q đưa cho bà Phan Thị V và 4.000.000 đồng Q đưa

cho anh Đặng Đức D2 để chuyển tiền hộ cho anh Cao và bà N. Anh C và bà N đã sử dụng hết, anh D2, bà V đã giao nộp lại cho CQCSĐT Công an huyện Văn Giang và không yêu cầu Q phải trả lại.

Anh D4, anh S, chị P, chị T, anh L là những người mua bán vàng do Q đưa, anh D2, anh C, bà V, bà N là những người nhận tiền do Q đưa nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý. Chị Nguyễn Thị T yêu cầu Q bồi thường số tiền bỏ ra để mua số vàng đã nộp lại cho cơ quan điều tra là 15.420.000 đồng.

Đối với hành vi cậy cửa, cắt tai khóa và phá kết sắt của Q. CQCSĐT Công an huyện Văn Giang đã yêu cầu định giá tài sản. Ngày 28/02/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Văn Giang kết luận tổng trị giá thiệt hại của cửa bị cong vênh, tai khóa cửa xếp bị cắt, cánh cửa sau bị cong vênh và kết sắt bị hư hỏng là 790.000 đồng. Ngày 29/4/2022, CQCSĐT Công an huyện Văn Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Q về hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Nghị định 167/2013.

Ngày 08/12/2021 và ngày 29/4/2022, CQCSĐT Công an huyện Văn Giang đã trả lại 02 chiếc laptop, 02 sạc nguồn laptop, 01 chuột không dây; 01 miếng vàng, 01 chiếc nhẫn vàng, 01 hộp dụng cụ, 01 chiếc ổ khóa màu vàng xám đã thu giữ trên cho chị D. Chị D đã nhận lại tài sản và yêu cầu Q bồi thường cho chị 56.000.000 đồng tiền mặt và giá trị các tài sản bị mất không thu hồi được bằng giá trị Q bán được là 62.160.000 đồng tổng là 118.160.000đ

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKSVC ngày 17/5/2022 của VKSND huyện Văn Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thanh Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhất trí với bản Cáo trạng và bản Luận tội của VKSND huyện Văn Giang, bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng ý với yêu cầu bồi thường của bị hại; người liên quan chị T, bị cáo đề nghị trả bị cáo căn cước công dân để bị cáo sử dụng và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người được bị hại ủy quyền anh Đào Văn D1 đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật, đề nghị trả cho bị hại số tiền 5.500.000đ là tiền bị cáo trộm cắp và bán tài sản trộm cắp cơ quan Công an đã thu giữ đối trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 112.660.000đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh D2 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 4.000.000đ anh đã nộp cho cơ quan điều tra; Chị T yêu cầu bị cáo bồi thường 15.420.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên tòa có ý kiến xác định sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại phiên tòa không ảnh hưởng tới việc xét xử bị cáo và quyền

lợi của người bị hại cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án. Kết thúc xét hỏi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ chứng minh tội phạm, phân tích tính nguy hiểm của tội phạm do các bị cáo gây ra, hậu quả của hành vi đối với xã hội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đại diện VKSND huyện Văn Giang đề nghị HĐXX:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Thanh Q.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Q từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 02/12/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Áp dụng khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo chứng minh thư nhân dân.

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 tai sắt, 01 ba lô

Trả lại bị hại chị D số tiền 5.500.000đ

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự. Bị cáo phải bồi thường cho bị hại chị D số tiền 112.660.000đ, bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị T số tiền 15.420.000đ

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, VKSND huyện Văn Giang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Bị cáo, người được bị hại ủy quyền, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh D2, chị T và đại diện Viện kiểm

sát nhân dân huyện Văn Giang đề nghị xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra những người này đã có đầy đủ lời khai và việc vắng mặt họ tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo và quyền lợi của bị hại, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang truy tố:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp khách quan với lời khai của chính bị cáo tại quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng trong vụ án; phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Cơ quan điều tra thu thập như: Đơn trình báo của bị hại; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; bản ảnh; kết luận giám định, Bản kết luận định giá tài sản. Do đó HĐXX đã đủ căn cứ kết luận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 22/11/2021, Nguyễn Thanh Q đã cạy phá cửa, lén lút vào nhà chị Nguyễn Thị Thanh D ở thôn H, xã CC, huyện VG lấy 56.000.000 đồng; 02 chiếc Laptop nhãn hiệu Dell kèm 02 sạc nguồn và 01 chuột máy tính không dây có giá trị là 27.300.000 đồng; 07 chiếc nhẫn, 02 dây chuyền, 01 đôi bông tai và 01 miếng kim loại đều bằng vàng, có giá trị là 78.150.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 161.450.000 đồng, Q đã tiêu sài cá nhân hết.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích tư lợi cá nhân. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 161.450.000đ nên hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy VKSND huyện Văn Giang truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân trong việc bảo vệ tài sản của mình. Bị cáo là người đã từng bị kết án về hành vi Trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo không chịu giáo dục cải tạo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có sự tính toán, quan sát, chuẩn bị trước, diễn biến hành vi phạm tội thể hiện sự táo bạo, coi thường pháp luật. Cần nghiêm trị đối với bị cáo, phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời còn nhằm mục đích tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai nhận và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần vi phạm pháp luật đã bị kết án nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, lao động chân chính, vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội

[4]. Về hình phạt:

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, HĐXX xét thấy: Bị cáo là người coi thường pháp luật, khó giáo dục cải tạo, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo trước khi bị bắt không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Cơ quan điều tra đã trả lại chị D: 02 chiếc laptop, 02 sạc nguồn laptop, 01 chuột không dây; 01 miếng vàng, 01 chiếc nhẫn vàng, 01 hộp dụng cụ, 01 chiếc ổ khóa màu vàng xám đã thu giữ trên cho chị D. Chị D không yêu cầu gì đối với những tài sản đã nhận lại. Tại phiên tòa người được bị hại ủy quyền đề nghị trả cho bị hại số tiền 5.500.000đ và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền mất và giá trị số trang sức bị cáo đã chiếm đoạt nhưng không thu hồi được với tổng số tiền là 112.660.000đ. Số tiền người được bị hại ủy quyền yêu cầu đúng bằng số tiền mất bị cáo đã chiếm đoạt và giá trị tài sản bị cáo đã bán không thu hồi được, bị cáo đồng ý bồi thường nên yêu cầu của người được bị hại ủy quyền có căn cứ chấp nhận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị T yêu cầu bị cáo phải hoàn trả 15.420.000đ tiền chị mua 03 chỉ vàng của bị cáo. Chị T đã nộp số vàng này cho cơ quan điều tra để trả lại bị hại, bị cáo đồng ý bồi thường nên yêu cầu của chị có căn cứ chấp nhận.

Anh D2 đã nộp cho cơ quan điều tra số tiền 4.000.000đ là tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại để anh D2 chuyển khoản cho anh C, anh D2 tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền này nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

01 đoạn tai khóa cửa bị gãy màu xám dài 2,5cm, trên tai khóa có các vết lõm là đồ vật không còn giá trị sử dụng, chủ sử dụng chị D đề nghị hủy bỏ sẽ tịch thu tiêu hủy.

01 chiếc balo màu đen, trên ba lô có chữ “HVN25 năm – 1 chặng đường” là công cụ bị cáo sử dụng khi phạm tội không còn giá trị sử dụng sẽ tịch thu tiêu hủy.

01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thanh Q là giấy tờ tùy thân của bị cáo sẽ trả lại cho bị cáo sử dụng.

Số tiền 5.500.000 trong đó có 4.000.000đ là tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại, 1.500.000đ là tiền bị cáo bán tài sản chiếm đoạt của bị hại mà có sẽ trả cho bị hại D.

[7]. Các vấn đề khác:

Đối với anh D4, anh S, chị P, chị T, chị Bùi Thị L1 là những người mua bán vàng do Q đưa nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với anh D2, anh C, bà N, bà V là những người bị cáo Q đưa cho và thanh toán giao dịch dân sự từ tiền trộm cắp và tiền bán tài sản trộm cắp mà có nhưng không biết số tiền Q đưa là do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với hành vi cậy cửa, cắt tai khóa và phá kết sắt của Q tổng trị giá thiệt hại 790.000 đồng. Ngày 29/4/2022, CQCSĐT Công an huyện Văn Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Q về hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Nghị định 167/2013 là đúng quy định

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ :

- Điểm c khoản 2 điều 173; Điều 38; Điểm a, b khoản 1 điều 46; Điểm a khoản 1, khoản 2 điều 47; khoản 1 điều 48; Điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

- Khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 điều 106; Khoản 2 điều 135; khoản 2 điều 136; điều 331; điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Điều 357, khoản 2 Điều 468; khoản 1 điều 584; khoản 1 điều 585; khoản 1 điều 589 Bộ luật dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh Q phạm tội “***Trộm cắp tài sản***”.

[3]. Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thanh Q 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 02/12/2021.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Q phải có trách nhiệm như sau:

Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh D 112.660.000đ

Bồi thường trả chị Nguyễn Thị T 15.420.000đ

[6]. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 đoạn tai khóa cửa bị gãy màu xám dài 2,5cm, trên tai khóa có các vết lõm; 01 chiếc balo màu đen, trên ba lô có chữ “HVN25 năm – 1 chặng đường”.

Trả lại bị cáo Quang 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thanh Q

Trả lại bị hại Nguyễn Thị Thanh D số tiền 5.500.000đ

(Tình trạng, số lượng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/7/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Giang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang, Ủy nhiệm chi ngày 14/6/2022 tại Kho bạc nhà nước huyện Văn Giang)

[7]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh Q phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 6.404.000đ án phí dân sự trong vụ án hình sự.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại (người được bị hại ủy quyền), người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Vũ Thu Giang